



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 1: NHẬN DẠNG CHẤT/HỖN HỢP VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY/DOANH NGHIỆP

1.1 Mã nhận dạng sản phẩm	
Tên thương mại	Multichem U
Số tham chiếu	05P80-10 & 08P89-10
1.2 Các ứng dụng đã xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và các ứng dụng không được khuyến nghị thực hiện (Các) ứng dụng đã xác định	Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm. Chỉ người có chuyên môn sử dụng.
1.3 Chi tiết về nhà cung cấp bảng chỉ dẫn an toàn Nhận dạng Công ty	Abbott GmbH & Co.KG Max-Planck-Ring 2 65205 Wiesbaden Đức
Điện thoại	(+49)-6122-58-0
E-Mail (người có thẩm quyền)	qcsupport@technopathcd.com
1.4 Số điện thoại khẩn cấp Số điện thoại khẩn cấp	+353 (0) 61 525700

PHẦN 2: NHẬN DẠNG CÁC NGUY HIỂM

2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp Quy định (EC) Số 1272/2008 (CLP)	Không thuộc loại nguy hiểm cho cung cấp/ứng dụng. Không thuộc loại nguy hiểm cho cung cấp/ứng dụng.
2.2 Các thành phần nhãn	Không biện pháp nào được yêu cầu.
2.3 Các nguy hiểm khác	Chứa vật liệu có nguồn gốc từ con người.

PHẦN 3: CẤU TẠO/THÔNG TIN CÁC THÀNH PHẦN

3.2 Các hỗn hợp Mô tả:	Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm. Dung dịch nước. Nước tiểu người đã ổn định với các mức độ được điều chỉnh của chất phân tích đã xác định.
Các thành phần nguy hiểm:	Sản phẩm không chứa lượng thành phần nguy hiểm phải báo cáo.
3.3 Thông tin Bổ sung	Huyết thanh từ mỗi người đóng góp nước tiểu cho vật liệu này đã được xét nghiệm bằng các phương pháp đã được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) thông qua và cho thấy âm tính đối với kháng thể HIV và HCV, và không phản ứng với HBsAg.

PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU





T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

4.1	Mô tả các biện pháp sơ cứu	
	Hít phải	Cung cấp khí sạch; tham vấn bác sĩ trong trường hợp bị đau.
	Tiếp xúc với da	Rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm chất.
	Tiếp xúc với Mắt	Xả cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tham vấn bác sĩ trong trường hợp bị đau.
	Nuốt phải	Súc miệng bằng nước. Tham vấn bác sĩ trong trường hợp bị đau.
4.2	Các triệu chứng và tác động quan trọng nhất, cả cấp tính và diễn ra chậm	Không có.
4.3	Chỉ báo cần chăm sóc y khoa lập tức và điều trị đặc biệt	Không có.

PHẦN 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1	Các biện pháp dập lửa	
	Các biện pháp dập lửa thích hợp	Khí các-bo-nic, bột hoặc phun nước. Dùng vòi phun nước hoặc bọt chống cồn để chữa những đám cháy lớn hơn.
5.2	Các nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp	Trong trường hợp cháy, các chất sau có thể được giải phóng: Các loại khí các-bon ô-xit (COx), các ni-tơ ô-xit (NOx).
5.3	Lời khuyên cho người chữa cháy	Sử dụng các phương pháp dập lửa phù hợp với các điều kiện xung quanh. Mặc đồ bảo hộ đầy đủ và máy thở độc lập (SCBA) khi dập lửa.

PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI RÒ THOÁT DO NGẪU NHIÊN

6.1	Các biện pháp phòng ngừa, thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình khẩn cấp	Cách ly phần tràn đổ và dọn sạch ngay lập tức. Tham khảo các biện pháp bảo vệ trong Phần 8 khi xử lý phần tràn đổ.
6.2	Các biện pháp phòng ngừa môi trường	Không được để thâm nhập vào đường ống, cống rãnh hay các dòng nước.
6.3	Các phương pháp và vật liệu chứa và dọn sạch	Thấm bằng vật liệu hút chất lỏng (khăn giấy, cát, đá tảo diatomite, chất hút axit, chất hút vụn nặng, mùn cưa). Tiêu hủy vật liệu bị nhiễm bẩn dưới dạng chất thải theo Phần 13. Lau chùi bằng clo hoặc các chất tẩy trùng khác.
6.4	Tham khảo các phần khác	8, 13

PHẦN 7: VẬN CHUYỂN VÀ LƯU GIỮ

7.1	Các biện pháp phòng ngừa để vận chuyển an toàn	Sản phẩm này cần được vận chuyển giống như vật liệu có khả năng lây nhiễm, vì không có quy trình thử nghiệm đã biết nào có thể bảo đảm hoàn toàn rằng các sản phẩm có nguồn gốc từ vật liệu có nguồn gốc con người sẽ không truyền các tác nhân lây nhiễm. Tham khảo Chỉ thị 2000/54/EC để biết thông tin cách vận chuyển các vật liệu nguy hại về sinh học. Tránh tiếp xúc với mắt, da và các màng nhầy. Đề xa tầm tay trẻ em. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và sau khi làm việc. Lau dọn các khu vực làm việc bằng hypochlorit hoặc các chất khử trùng khác.
7.2	Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm các yếu tố không tương thích	Lưu giữ trong đồ chứa gốc ở nhiệt độ từ 2 tới 8°C.
7.3	(Các) ứng dụng cuối cùng cụ thể	Sử dụng theo các hướng dẫn sử dụng.




T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1	Các thông số kiểm soát	
8.1.1	Các Giới hạn Phơi nhiễm Nghề nghiệp	Sản phẩm không chứa bất kỳ lượng chất phù hợp nào có các giá trị giới hạn phải được giám sát tại nơi làm việc.
8.2	Kiểm soát phơi nhiễm	
8.2.1	Các kiểm soát về kỹ thuật phù hợp	Không áp dụng với chất này.
8.2.2	Thiết bị bảo vệ cá nhân	
	Bảo vệ mắt/mặt	Khuyến nghị dùng kính an toàn. (EN166).
	Bảo vệ bàn tay	Găng tay dùng một lần. (EN374).
		
	Vật liệu của găng tay:	Latex / cao su thiên nhiên, cao su nitril.
	Thời gian thấm thấu của vật liệu găng tay:	Găng tay bền không cần thiết khi thao tác theo hướng dẫn sử dụng.
	Bảo vệ cơ thể	Áo khoác phòng thí nghiệm.
	Bảo vệ hô hấp	Thông thường không yêu cầu.
8.2.3	Kiểm soát Phơi nhiễm Môi trường	Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.

PHẦN 9: CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

9.1	Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản	
	Bề ngoài	Chất lỏng.
	Màu sắc	Hỗ phách.
	Mùi	Nhẹ.
	Mức độ mùi (ppm)	Không xác định.
	pH (Giá trị)	5.8 – 6.2.
	Nhiệt độ nóng chảy (°C) / Nhiệt độ kết đông (°C)	Tương tự như nước, xấp xỉ 0°C.
	Nhiệt độ sôi/khoảng nhiệt độ sôi (°C):	Tương tự như nước, xấp xỉ 100°C.
	Nhiệt độ chớp cháy (°C)	Không áp dụng.
	Tốc độ bay hơi (BA = 1)	Không xác định.
	Tính bất lửa (rắn, khí)	Không áp dụng.
	Các phạm vi giới hạn nổ	Không áp dụng.
	Áp suất hơi (mm Hg)	Tương tự như nước, xấp xỉ 23 hPa.
	Tỷ trọng hơi (Air=1)	Không xác định.
	Tỷ trọng (g/ml)	~ 1
	Tính hòa tan (Nước)	Có thể hòa với nước hoàn toàn.
	Tính hòa tan (Khác)	Không xác định.
	Hệ số phân tách (n-Octanol/nước)	Không xác định.
	Nhiệt độ tự Bốc cháy (°C)	Không xác định.
	Nhiệt độ Phân hủy (°C)	Không xác định.
	Độ nhớt (mPa.s)	Không xác định.
	Đặc tính nổ	Không nổ.
	Đặc tính ô-xi hóa	Không ô-xi hóa
9.2	Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

10.1	Hoạt tính	Chưa biết hoạt tính nào.
10.2	Độ ổn định hóa học	Sản phẩm ổn định theo các điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
10.3	Khả năng các phản ứng nguy hại	Sự pô-li-me hóa nguy hại sẽ không xảy ra.
10.4	Các điều kiện cần tránh	Không có.



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

10.5	Các vật liệu không tương thích	Chưa biết vật liệu nào.
10.6	(Các) sản phẩm phân hủy nguy hại	Chưa biết sản phẩm nào.

PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về các tác động độc tính

11.1.2 Các hỗn hợp

Độ độc cấp tính	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Kích ứng	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Tính ăn mòn	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Gây nhạy cảm	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Độ độc khi dùng lặp lại liều	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Gây ung thư	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Gây đột biến	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Độ độc đối với sinh sản	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Độ độc đối với cơ quan đích cụ thể (STOT) bị phơi nhiễm một lần	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Độ độc đối với cơ quan đích cụ thể (STOT) bị phơi nhiễm nhiều lần	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
Nguy hại khi hít phải	Dựa trên dữ liệu đã có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Các Tác động tới Sức khỏe và Triệu chứng

Tiếp xúc với Da	Chưa thấy có tác động có hại đáng kể nào.
Tiếp xúc với Mắt	Chưa thấy có tác động có hại đáng kể nào.
Nuốt phải	Chưa thấy có tác động có hại đáng kể nào.

11.2 Thông tin khác

Không áp dụng.

PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.1 Độ độc	Sản phẩm không chứa lượng đáng kể các thành phần gây độc hại tới môi trường.
12.2 Độ bền và sự phân hủy	Sản phẩm có thể dễ dàng bị phân hủy sinh học.
12.3 Khả năng tích tụ sinh học	Chưa thấy.
12.4 Khả năng biến đổi trong đất	Sản phẩm được dự báo có khả năng biến đổi cao trong đất.
12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB	Không áp dụng.
12.6 Các tác động có hại khác	Không áp dụng.



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 13: CÁC LƯU Ý VỀ THẢI BỎ

13.1	Các phương pháp xử lý chất thải	
	Sản phẩm:	Thải bỏ như là chất thải độc hại sinh học tiềm tàng và tuân thủ các luật chống ô nhiễm và các luật khác của nước liên quan. Để bảo đảm sự tuân thủ, chúng tôi khuyến nghị bạn liên hệ các cơ quan chức năng liên quan (địa phương) và/hoặc một công ty xử lý chất thải được phê duyệt để biết thêm thông tin.
	Danh mục chất thải châu Âu:	18 01 03.
	Đóng gói:	Việc thải bỏ nên được thực hiện theo luật địa phương, bang hoặc quốc gia. Bao bì đóng gói bị nhiễm bẩn phải được thải bỏ bằng phương pháp giống như thải bỏ sản phẩm. Vật liệu bao bì đóng gói không nhiễm bẩn có thể tái chế. Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ địa phương để có thêm thông tin.

PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1	Số UN	Không áp dụng
14.2	Tên vận chuyển thích hợp UN	Không áp dụng
14.3	(Các) loại nguy hại trong vận chuyển	Không được phân loại có nguy hiểm cho vận chuyển.
14.4	Nhóm Đóng gói	Không áp dụng
14.5	Các nguy hại đối với môi trường	Không áp dụng
14.6	Các phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không áp dụng
14.7	Vận chuyển dưới dạng hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và Bộ luật IBC	Không áp dụng

PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1	Các quy định/luật lệ về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho chất hoặc hợp chất	Chỉ thị về các thiết bị y khoa chẩn đoán trong ống nghiệm 98/79/EC.
15.2	Đánh giá An toàn Hóa học	Không áp dụng.

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

CHÚ THÍCH

STOT Độ độc Cơ quan Mục tiêu Cụ thể

Tài liệu tham khảo:

Các bảng thông tin an toàn vật liệu thô.

Các nhãn dán lọ nhỏ chứa Benzophenone



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

Thông tin Bổ sung

Được soạn thảo bởi: Tiến sĩ J. J. Tobin, ChemHaz Solutions, Email: info@chemhazsolutions.com

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, thông tin trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp có tên ở trên và các chi nhánh của nhà cung cấp đó không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay tính đầy đủ của thông tin trong đây. Việc xác định sự phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm chỉ của người sử dụng. Tất cả vật liệu có thể có những nguy hại chưa được biết tới và nên được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có những nguy hại đã được miêu tả trong đây, chúng tôi không thể bảo đảm rằng đây là tất cả những nguy hại có tồn tại.